

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **101** /2023/HSST

Ngày: 23-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S-TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đồi

Ông Nguyễn Kim Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Phương Dung - Là thư ký Tòa án nhân dân quận S, Tp Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, Tp. Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý: 102/2023/TLST- HS ngày 07 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2023/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc N; Sinh ngày: 28/5/1989, tại: Thanh Hóa; HKTT: số 19/76 đường V, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Chỗ ở hiện nay: K65/71/01 đường T, phường P, quận S, TP Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Con ông: Không rõ và bà Phí Thị B (sinh năm 1962). Có vợ Nguyễn Thị P (sinh năm 1989) và 01 con nhỏ sinh năm 2021; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Tiền án: chưa; Tiền sự: chưa. Bị cáo bị bắt ngày 25/7/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận S. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Ông **Lưu Phát Đ**, sinh năm 2004; Trú tại: Ấp xóm Đ, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Vắng mặt

- Người làm chứng: Ông **Trần Hoài T**, sinh năm 1973; Trú tại: Xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 25/7/2023, Phạm Ngọc N đi đến khu vực công viên B, phường P, quận S để tắm biển. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, sau khi tắm biển xong, N đi lên bờ thì phát hiện 01 túi xách màu đen để trên bãi cát phía sau bãi tắm số 1 không có người trông coi nên N nảy sinh ý định trộm cắp chiếc túi xách này. N đi đến và lén lút lấy túi xách màu đen bên trong có 01 ĐTDĐ Iphone 14 pro màu trắng; 01 ĐTDĐ Iphone 12 promax màu xanh; 13.000.000

đồng tiền Việt Nam; 4.500 USD Mỹ của anh Lưu Phát Đ (SN 2004; Trú: Ấp xóm Đ, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang) bỏ đi thì bị lực lượng Công an phường P và Đội quản lý trật tự du lịch biển Đà Nẵng phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật.

- Vật chứng, tài liệu tạm giữ của Phạm Ngọc N:

- 01 ĐTDĐ Iphone 14 pro màu trắng;
- 01 ĐTDĐ Iphone 12 promax màu xanh;
- 13.000.000 đồng tiền Việt Nam (26 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng);
- 4.500 USD Mỹ (42 tờ tiền mệnh giá 100 USD; 10 tờ tiền mệnh giá 20 USD; 07 tờ tiền mệnh giá 5 USD; 05 tờ tiền mệnh giá 1 USD);
- 01 túi xách màu đen.

(Toàn bộ tài sản trên đã trao trả cho bị hại Lưu Phát Đ)

Tại Kết luận số: 50/KL-HĐĐGTS ngày 07/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS quận S xác định: 01 ĐTDĐ Iphone 14 pro màu trắng có giá trị **20.893.000 đồng**, 01 ĐTDĐ Iphone 12 promax màu xanh có giá trị **13.360.000 đồng**, 4.500 USD Mỹ có giá trị **105.571.500 đồng**. Đối với 01 túi xách màu đen do bị hại sử dụng đã lâu, không còn giá trị nên Cơ quan CSĐT Công an quận S không yêu cầu định giá.

- Về phần dân sự: Anh Lưu Phát Đ đã nhận lại toàn bộ tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho Phạm Ngọc N.

Tại bản cáo trạng số:101/2023/CT- VKS ngày 07/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước phát biểu giữ nguyên cáo trạng đã truy tố bị cáo và căn cứ vào tính chất, hành vi thực hiện tội phạm, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt Phạm Ngọc N từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 4 năm đến 5 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản nên không đề cập giải quyết.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo Nam rất hối hận về hành vi vi phạm của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết

định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo Phạm Ngọc N đã khai nhận: Vào lúc 20 giờ 00 ngày 25/7/2023, tại bãi tắm số 1, phường P, quận S, Phạm Ngọc N đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản gồm 01 ĐTDĐ Iphone 14 pro màu trắng trị giá 20.893.000 đồng; 01 ĐTDĐ Iphone 12 promax màu xanh trị giá 13.360.000 đồng; 13.000.000 đồng tiền Việt Nam; 4.500 USD Mỹ trị giá 105.571.500 đồng tiền Việt Nam của anh Lưu Phát Đ thì bị phát hiện bắt quả tang cùng tang vật. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 152.824.500 đồng. Hội đồng xét xử thấy hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung “*chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận S, Tp Đà Nẵng truy tố là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Quyền sở hữu về tài sản của công dân là bất khả xâm phạm cần phải được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được điều đó, nhưng do xem thường pháp luật, lười lao động, muốn hưởng lợi nhanh chóng từ thành quả lao động của người khác nên lợi dụng sự sơ hở của người bị hại, lén lút cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị 152.824.500 đồng của anh Lưu Phát Đ. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội, gây bất ổn trong nhân dân trên địa bàn Tp Đà Nẵng nói chung và địa bàn quận S nói riêng. Do đó cần phải quyết định một mức án thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ bị cáo thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng: không có

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, mặc dù số tiền bị cáo trộm cắp nhiều nhưng ngay sau khi trộm đã bị phát hiện thu giữ và đã trả lại toàn bộ tài sản cho người bị hại, anh Lưu Phát Đ có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho N, bị cáo có cậu ruột Phí Văn T là liệt sỹ và các cậu là Phí Văn T, Phí Văn T đều là thương binh, mẹ ruột là thanh niên xung phong, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn mẹ ruột bị bệnh thoát vị đĩa đệm khó khăn trong việc đi lại, vợ không có việc làm, có 1 con nhỏ 2 tuổi, bị cáo N là lao động chính trong gia đình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để áp dụng quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 cho bị cáo N được hưởng án treo, không cần thiết xử cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng đủ sức răn đe.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về áp dụng điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như phần xử lý vật chứng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7] Án phí HSST bị cáo Phạm Ngọc N phải chịu 200.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1/ Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo;

Căn cứ Điều 1 Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 của bộ luật hình sự về án treo.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc N **2 (hai) năm 6 (sáu) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 5 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự Tuyên trả tự do ngay cho bị cáo Phạm Ngọc N tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

2/Án phí HSST:Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí HSST: 200.000 đồng bị cáo Phạm Ngọc N phải chịu.

Báo cho bị cáo có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND q. S, Tp Đà Nẵng;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THADS q. S, Tp Đà Nẵng;
- Công an quận S, Tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hạnh